TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2023/HS-ST
Ngày 03-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Văn Trường**

Bà **Ngô Thị Thúy Hảo**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Cao Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Xuân L** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 199/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng D (Tên gọi khác: Nguyễn Hoàng D1, Nguyễn Hữu D2), sinh năm: 1974, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 160/61 đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố: Nguyễn Văn T và mẹ: Nguyễn Thị T1; vợ: Hoàng Thị P và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại bản án số 1359/HSPT ngày 19/9/1996, Tòa phúc thẩm TAND Tối cao tại TP . Hồ Chí Minh tuyên phạt 15 tháng tù giam, về tội "Trộm cắp tài sản công dân", đã nộp 50.000đồng án phí, ngoài ra tại Bản án còn tuyên buộc Nguyễn Hoàng D phải liên đới với bị cáo khác bồi thường cho bị hại 20 chỉ vàng loại 24k, tuy nhiên sau khi xác minh, xác định D không có điều kiện thi hành án nên ngày 01/8/1997, Chi cục thi hành án TP . đã trả đơn yêu cầu thi hành án cho bị hại, đến nay bị hại không có yêu cầu tiếp theo và cũng hết thời hạn yêu cầu thi hành án đối với số tiền này.

- Tại bản án số 66/HSST ngày 28/6/1999, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tuyên phạt 02 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", tổng hợp hình phạt 15 tháng tù của bản án 1359/HSPT ngày 19/9/1996, tuyên buộc D phải chấp hành 39 tháng tù giam, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2000, đã nộp 50.000đồng án phí, đã chấp hành xong phần quyết định của bản án.

- Tại quyết định số 01/QĐ ngày 26/11/2001, UBND phường B, Tp . áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 06 tháng do "Tù tha chưa thực sự tiến bộ".

- Tại quyết định số 15/QĐ ngày 12/6/2002, UBND phường B, Tp . áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 06 tháng do "Chưa tiến bộ, còn quan hệ phần tử phức tạp".

- Tại quyết định số 26710/QĐ ngày 16/7/2002, Công an T5 xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000đồng do "Có cử chỉ thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác".

- Tại quyết định số 11202/QĐ ngày 03/9/2002, Đội CSĐT Công an T5 xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000đồng do "Không giao nộp vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ theo quy định".

- Tại quyết định số 5669/QĐ ngày 18/6/2003, UBND tỉnh B áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giao dục thời hạn 24 tháng về hành vi "Trộm cắp, gây rối".

- Tại quyết định số 307/QĐ ngày 08/4/2020, Công an T5 xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000đồng đối với D về hành vi "Xâm hại sức khỏe người khác".

Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, sau đó được gia đình bảo lĩnh tại ngoại. Hiện trú tại 160/61 đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

Bị hại: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1977, địa chỉ: 5 đường N, Phường H, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1965, trú tại: F đường C, phường T, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, Công an T5 tiếp nhận đơn tố giác của ông Nguyễn Duy K, nội dung: Ông K tố giác bị cáo Nguyễn Hoàng D và vợ là Hoàng Thị P có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, với lãi suất từ 10% đến 15%/01 tháng. Ngày 08/7/2021, Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an T5 ra quyết định số 220/QĐ phân công ông Nguyễn Văn T2 – Chức vụ: Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an T5 giải quyết nguồn tin về tội phạm đối với tố giác nói trên. Ngày 08/11/2021, ông

Nguyễn Văn T2 ký quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 162/QĐ đối với tố giác của ông K, kết thúc quá trình giải quyết tố giác của ông K với vợ chồng D, P. Ngày 08/12/2021, ông K khiếu nại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự nêu trên. Ngày 30/12/2021, Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an T5 ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 01/QĐ bác đơn khiếu nại của ông K. Ngày 04/01/2022, ông K nhận được Quyết định này, đến ngày 26/01/2022 ông K tiếp tục khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an T5 gửi đến Viện kiểm sát nhân dân TP .. Tuy nhiên, xét thấy ông K gửi đơn quá thời hạn luật định nên Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP . không thu lý đơn khiếu nại của ông K.

Ngày 25/4/2022, ông Nguyễn Duy K đến Cơ quan Công an T5 làm việc và cung cấp 02 đoạn ghi âm dưới dạng file Mp3 được ghi bằng thiết bị ghi âm hiệu JVJ, Model No: J125, P/N: C12BKSK0E0100, ghi nhận cuộc nói chuyện qua điện thoại bàn (0254.3620772) giữa ông K và Nguyễn Hoàng D vào ngày 21/3/2022 (Do ông K không chỉnh ngày, tháng của máy ghi âm, nên vào ngày cung cấp thiết bị ghi âm là 25/4/2022, máy ghi âm của ông K ghi nhận là ngày 7/7/2019, dẫn đến việc thời gian được ghi nhận trong máy ghi âm không khớp với thời gian thực tế), 02 đoạn ghi âm được lưu trữ gồm 01 File dạng Mp3 tên REC015, dung lượng: 603KB - được tạo ra vào ngày 02/6/2019 (theo thiết bị ghi âm ghi nhận) và 01 File dạng Mp3 tên REC016, dung lượng: 813KB, được tạo ra vào ngày 02/6/2019 (theo thiết bị ghi âm ghi nhận). Dữ liệu điện tử này đã được ông K gửi đến nhiều ban ngành, tổ chức, như: Thành ủy thành phố V, Viện kiểm sát nhân dân TP ., Cục C, Ban N1, Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ C1, phòng CSHS Công an tỉnh T5, Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, U, Thanh tra Bộ C1. Sau đó, các cơ quan này chuyển nội dung phản ánh này đề nghị Công an T5 làm rõ. Trong dữ liệu ghi âm, người được cho là bị cáo D đã yêu cầu ông K trả nợ, đồng thời có lời lẽ thách thức về việc bị cáo D đã đưa cho ông Nguyễn Văn T2 – Chức vụ: Phó thủ trưởng cơ quan CSĐT Công an T5 số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) để giải quyết vụ việc giữa ông K và bị cáo D. Ông Nguyễn Văn T2 đã yêu cầu xác minh làm rõ và có đơn tố giác bị cáo D có hành vi vu khống ông T2 nhận tiền để giải quyết vụ việc giữa ông K và bị cáo D.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Hoàng D khai nhận bị cáo D không quen biết với ông Nguyễn Văn T2, chưa từng tiếp xúc với ông T2, bị cáo D chỉ biết ông T2 là Phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an T5 được phân công giải quyết đơn tố giác tội phạm của ông Nguyễn Duy K và bị cáo D. Bị cáo D không dùng tiền hay lợi ích vật chất gì để tác động đến ông T2 trong quá trình giải quyết vụ việc. Đối với cuộc gọi mà số điện thoại của bị cáo D gọi vào số ông K ngày 21/3/2022, tại Cơ quan CSĐT Công an T5 và trong quá trình làm việc tại Trại giam T6, bị cáo D xác định số điện thoại 0988232468 là của bị cáo D nhưng không thừa nhận việc gọi điện thoại cho ông Nguyễn Duy K, đồng thời không thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của mình, bị cáo D cho rằng có người quen

nào đó dùng số của D gọi cho ông K. Tuy nhiên, trong giai đoạn truy tố, bị cáo Nguyễn Hoàng D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ông Nguyễn Văn T2 cho biết bản thân ông không có mối quan hệ quen biết với bị cáo Nguyễn Hoàng D, ông T2 khẳng định không nhận tiền hay lợi ích vật chất gì từ bị cáo D hay gia đình của bị cáo D. Trong suốt quá trình giải quyết tố giác của ông Nguyễn Duy K đối với bị cáo Nguyễn Hoàng D, ông T2 đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật, chỉ đạo cán bộ, Điều tra viên giải quyết vụ việc đảm bảo khách quan, vô tư (có báo cáo của điều tra viên về quá trình giải quyết vụ việc theo sự chỉ đạo của ông T2 là vô tư, khách quan), đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ việc giữa ông K và bị cáo D đều có sự kiểm sát chặt chẽ và thống nhất của Viện kiểm sát nhân dân TP . Vũng Tàu theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do nội dung vu khống, bịa đặt nêu trên của bị cáo D đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín, công việc và tinh thần của ông T2, gây dư luận xấu đối với ông, ông T2 đề nghị xử lý hành vi vu khống của bị cáo D theo quy định của Pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 2907/KL-KTHS ngày 17/8/2022 của Phân viện khoa học hình sự TP . Hồ Chí Minh kết luận: Xác định giọng nói và nội dung có đưa số tiền khoảng hơn một tỷ đồng cho ông T2 - Phó Công an thành phố T5 là giọng nói của bị cáo Nguyễn Hoàng D.

Tại bản kết luận giám định số 8268/KL-KTHS ngày 06/01/2023 của V Bộ C1 xác định, giọng nói và nội dung có đưa số tiền khoảng hơn một tỷ đồng cho ông T2 - Phó Công an thành phố T5 là giọng nói của bị cáo Nguyễn Hoàng D.

Tại bản kết luận giám định số 1981/KL-KTHS ngày 29/3/2023 của Phân viện khoa học hình sự T7 kết luận: "Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định".

Tại công văn số 1352/TTKD BRVT-HĐNV ngày 29/11/2022 của Trung tâm K2 trả lời về yêu cầu cung cấp tài liệu của cơ quan điều tra Công an T5, theo đó xác định vào ngày 21/3/2022, số điện thoại 0988232468 đã gọi vào số 0254.3620772 của ông K 03 lần, lần đầu bắt đầu từ 16giờ 13phút 16giây và lần cuối kết thúc lúc 17giờ 27phút 40giây.

Bị cáo Nguyễn Hoàng D cung cấp tài khoản 6090201019327 được mở tại ngân hàng N2 và vợ bị cáo D là Hoàng Thị P cung cấp tài khoản 052247840001 được mở tại Ngân hàng B1; ông Nguyễn Văn T2 cung cấp số tài khoản 6090205795539 được mở tại Ngân hàng N2. Tiến hành so sánh, đối chiếu tài liệu sao kê của ngân hàng N2 và ngân hàng B1 của bị cáo Nguyễn Hoàng D và Hoàng Thị P không có giao dịch với tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn Văn T2.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T2 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Hoàng D bồi thường dân sự.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

Ngày 25/4/2022, ông Nguyễn Duy K giao nộp 02 đoạn ghi âm, sau đó Cơ quan CSĐT đã tiến hành lưu trữ vào USB hiệu Kingston KF 9368341, 32Gb màu đen; tài liệu lưu trữ này được niêm phong trong phong bì màu trắng, có chữ ký của ông Nguyễn Duy K và người chứng kiến Đặng Kim T3.

Cơ quan CSĐT tiến hành ghi âm nội dung buổi làm việc với bị cáo Nguyễn Hoàng D vào ngày 05/5/2022, nội dung ghi âm được lưu trong 01 (một) USB hiệu SanDisk màu đỏ Cruzer Blade 16Gb, được niêm phong có chữ ký của bị cáo Nguyễn Hoàng D.

Sau khi giám định, hai USB trên được Phân viên KHHS Bộ C1 niêm phong trong một phong bì màu trắng, có chữ ký của ông Trần Trung T4.

Ngày 26/9/2022, ông Nguyễn Duy K giao nộp một máy ghi âm hiệu JVJ, Model No: J125, P/N: C12BKSK0E0100, dung lượng 16Gb, thiết bị này được niêm phong trong phong bì màu trắng có chữ ký của ông Nguyễn Duy K.

- Xử lý vật chứng:

Tất cả các dữ liệu điện tử trên tiếp tục được lưu theo hồ sơ vụ án để làm chứng cứ.

Chuyển một máy ghi âm hiệu JVJ, Model No: J125, P/N: C12BKSK0E0100, dung lượng 16Gb (sau giám định được niêm phong trong phong bì màu trắng, ghi số 1981/KL-KTHS của V Bộ C1, có chữ ký của Hoàng Chung K1 và Nguyễn Công N) sang Chi cục thi hành án dân sự TP . bảo quản, chờ xử lý.

- Ông Nguyễn Duy K yêu cầu được nhận lại một máy ghi âm hiệu JVJ.

Bản cáo trạng 182/CT-VKSVT ngày 07/7/2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng D về tội "Vu khống" quy định tại điểm đ, h khoản 2 Điều 156 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Hoàng D đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung vụ án mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng D về tội "Vu khống" và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ, h khoản 2 Điều 156; điểm x, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho ông Nguyễn Duy K một máy ghi âm hiệu JVJ.

Bị cáo Nguyễn Hoàng D đồng ý về tội danh và điều luật mà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu truy tố, áp dụng, bị cáo không tranh luận gì. Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được hưởng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Xét thấy, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình xét xử và nội dung vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 21/3/2022, bị cáo Nguyễn Hoàng D đã sử dụng điện thoại di động của mình gọi đến số điện thoại cố định của ông Nguyễn Duy K với nội dung: Bị cáo D đã chi 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) cho ông Nguyễn Văn T2 –Chức vụ: Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T5, người được phân công giải quyết tố giác của ông Nguyễn Duy K đối với bị cáo D. Sau đó, ông K đã phản ánh nội dung này đến nhiều cơ quan, tổ chức để làm rõ nội dung sự việc. Cơ quan điều tra đã xác minh, xác định không có sự việc bị cáo D và vợ chuyển, đưa tiền hoặc cho ông T2 lợi ích vật chất gì. Bị cáo Nguyễn Hoàng D cũng thừa nhận đã bịa ra nội dung sai sự thật trên nhằm mục đích hù dọa, chọc tức ông Nguyễn Duy K. Hành vi bịa đặt, đưa ra thông tin sai sự thật mà bị cáo Nguyễn Hoàng D làm ảnh hưởng, xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự, uy tín của ông Nguyễn Văn T2.

Hành vi bị cáo Nguyễn Hoàng D đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Vu khống" thuộc trường hợp *"Đối với người đang thi hành công vụ"* và *"Vu khống người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng"* là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm đ, h khoản 2 Điều 156 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi của bị cáo:

Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội; bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi, biết hành vi của mình có thể ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm người khác nhưng vẫn thực hiện để nhằm mục đích có lợi cho mình, đã xâm phạm trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm người khác được pháp luật bảo vệ; ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa

phương và dư luận xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung về tội phạm xã hội. Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật làm người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, có bố ruột là liệt sĩ là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với máy ghi âm hiệu JVJ do ông Nguyễn Duy K giao nộp, ông K yêu cầu được nhận lại nên trả lại cho ông K.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng D phạm tội "Vu khống".

Áp dụng điểm đ, h khoản 2 Điều 156; điểm x, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng D 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông Nguyễn Duy K một máy ghi âm hiệu JVJ bên trong 01 phong bì niêm phong màu trắng, ghi số 1981/KL-KTHS của V Bộ C1, có chữ ký của Hoàng Chung K1 và Nguyễn Công N, con dấu của V Bộ C1.

Vật chứng nêu trên hiện Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố V quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 241/BB-CCTHADS ngày 14/8/2023.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Hoàng D phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Công An Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
- Bị cáo, Bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Kiên